

| | | | |
|--------------------|------------|---------|---------|
| Ngày 30/09/2024 | 10,350 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -1.4% | -3.3% | -6.5% |

| | | |
|-----|-------|-------------------|
| | Q3/24 | |
| ROE | 5.8% | +/- YoY ▲ 4.3% |

| | | | |
|-------------|--------|--------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| DT thuần | 71.6 | QoQ ▲ 7.40 ▲ 11.5% | YoY ▼ 4.10 ▼ 5.4% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-------------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| DT thuần | 202 | YoY ▲ 12.0 ▲ 6.2% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------|--------|--------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN gộp | 8.27 | QoQ ▲ 2.49 ▲ 43.1% | YoY ▲ 2.57 ▲ 45.1% |
| | tỷ VNĐ | | |

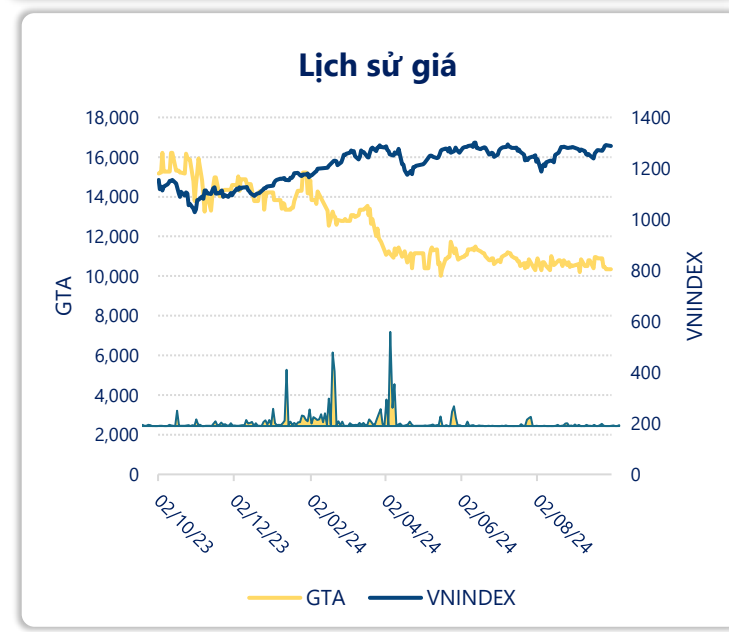
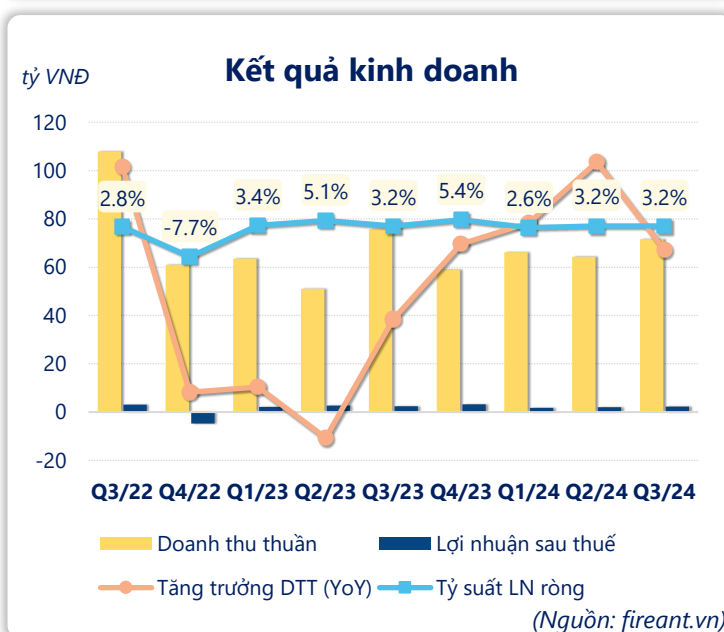
| | | |
|--------|---------|--------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN gộp | 21.0 | YoY ▲ 5.00 ▲ 31.4% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-------------|--------|-------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN thuần | 2.30 | QoQ ▼ 0.24 ▼ 9.5% | YoY ▼ 0.69 ▼ 23.1% |
| | tỷ VNĐ | | |

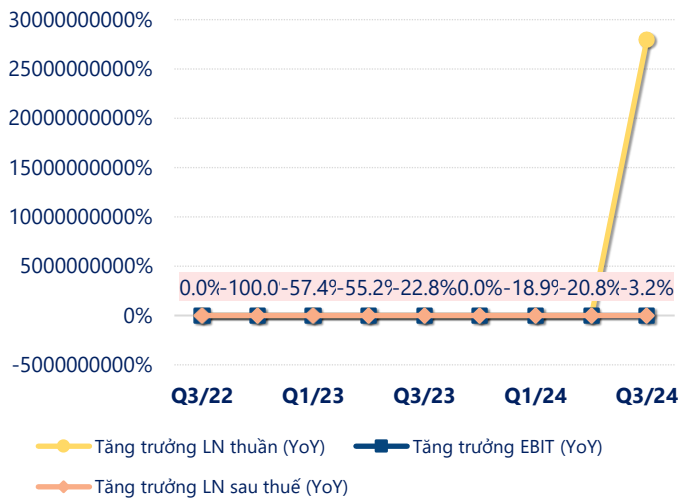
| | | |
|----------|---------|--------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN thuần | 6.96 | YoY ▼ 1.99 ▼ 22.2% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|----------------|--------|--------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN sau thuế | 2.28 | QoQ ▲ 0.21 ▲ 10.3% | YoY ▼ 0.11 ▼ 4.5% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|----------------|---------|--------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN sau thuế | 6.05 | YoY ▼ 1.09 ▼ 15.2% |
| | tỷ VNĐ | |

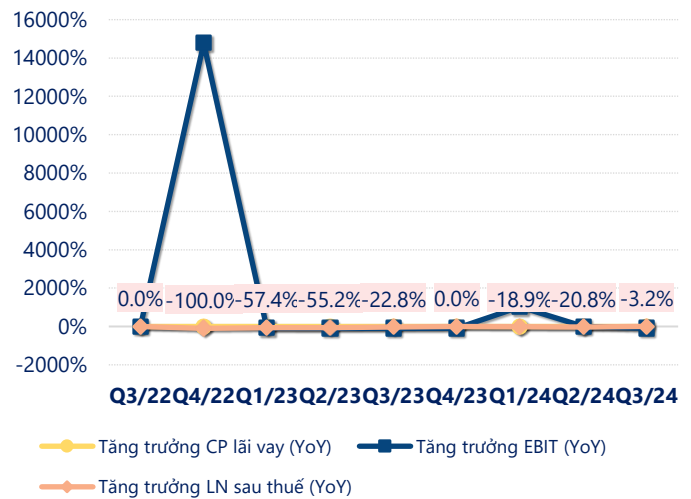


Tăng trưởng lợi nhuận



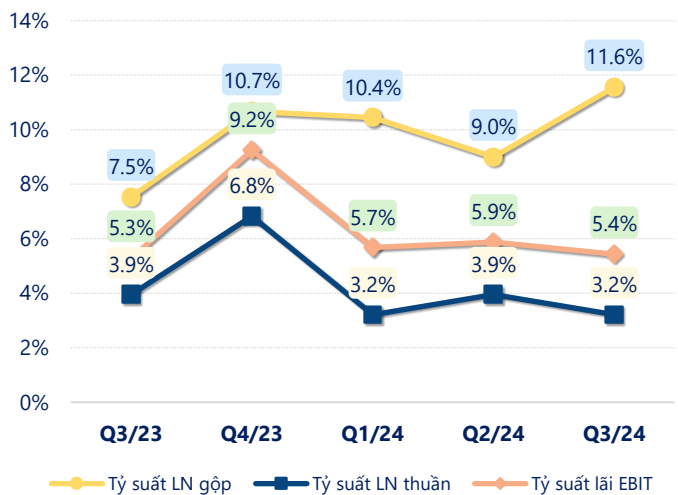
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



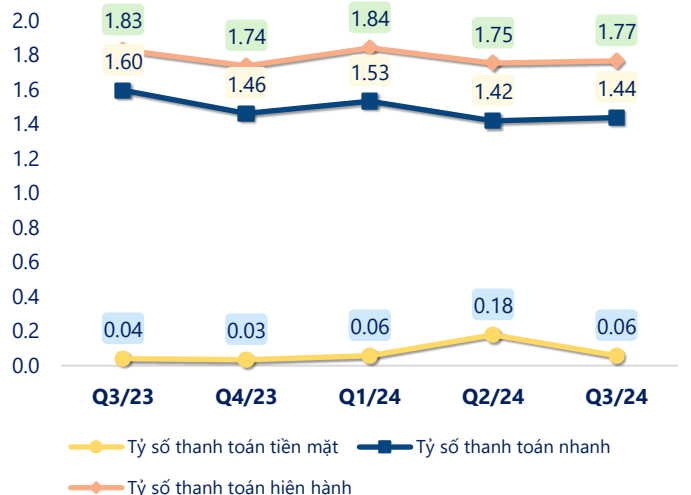
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



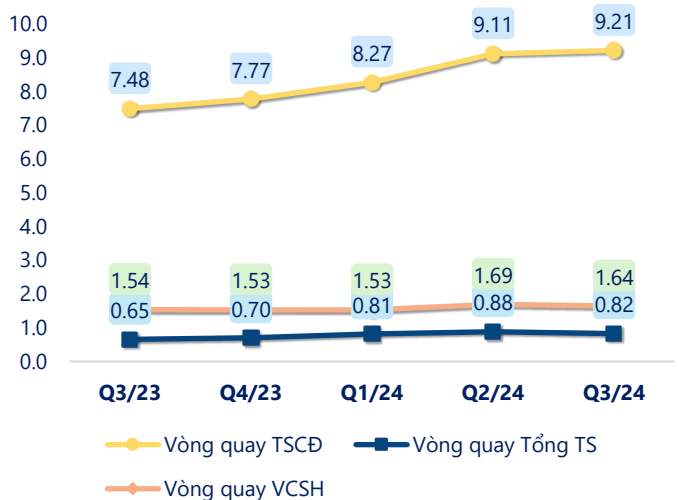
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



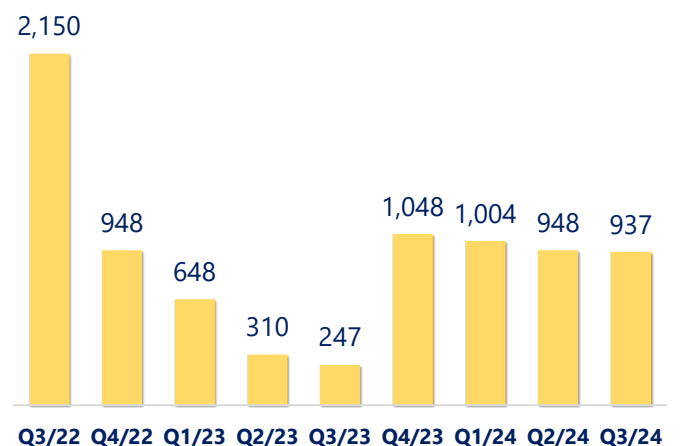
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

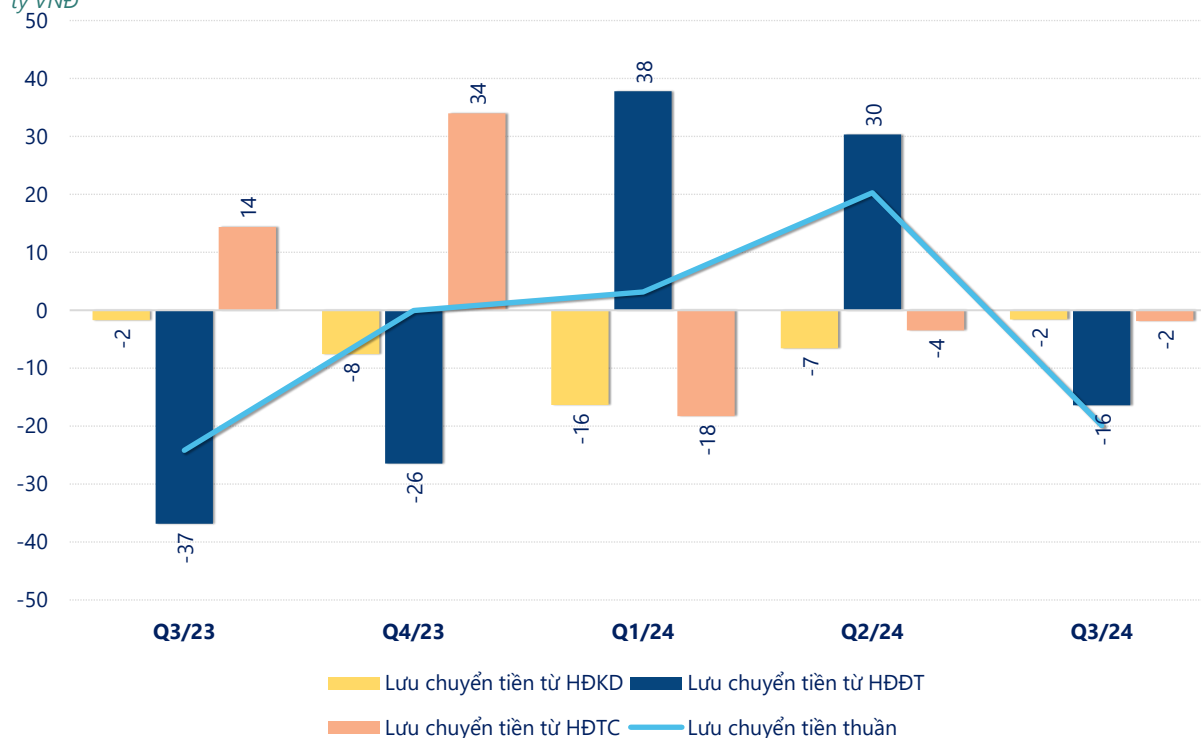
(tỷ VNĐ)

| | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|---------------------------|-------------|-------------|---------------|-------------|-------------|---------------|
| Doanh thu thuần | 71.6 | 75.7 | -5.4% | 202 | 190 | 6.2% |
| Giá vốn hàng bán | 63.3 | 70.0 | -9.5% | 181 | 174 | 3.9% |
| Lợi nhuận gộp | 8.27 | 5.70 | 45.1% | 21.0 | 16.0 | 31.4% |
| Doanh thu HĐTC | 2.44 | 3.97 | -38.7% | 8.98 | 12.7 | -29.1% |
| Chi phí TC | 1.42 | 1.04 | 36.5% | 4.28 | 4.24 | 0.9% |
| Chi phí lãi vay | 1.03 | 1.01 | 1.8% | 3.82 | 3.96 | -3.6% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 2.29 | 1.54 | 48.5% | 5.30 | 4.06 | 30.6% |
| Chi phí QLDN | 4.70 | 4.10 | 14.7% | 13.4 | 11.4 | 17.9% |
| LN thuần từ HĐKD | 2.30 | 2.99 | -23.1% | 6.96 | 8.95 | -22.2% |
| Lợi nhuận khác | 0.56 | 0.00 | | 0.65 | 0.01 | 9817% |
| LN trước thuế | 2.86 | 2.98 | -4.0% | 7.61 | 8.96 | -15.1% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.28 | 2.39 | -4.5% | 6.05 | 7.14 | -15.2% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 2.28 | 2.39 | -4.5% | 6.05 | 7.14 | -15.2% |

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)